

## THÔNG BÁO THU CÁC KHOẢN THÁNG 9/2025 NĂM HỌC 2025-2026

Căn cứ Văn bản số 1171/UBND ngày 24/10/2025 của UBND Phường An Hội Đông về thu sử dụng học phí và các khoản thu khác của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc phường NH 2025-2026

| STT      | NỘI DUNG THU  | Lớp 6/1 Bán Trú  | Lớp Bán trú : lớp 6/2, lớp 6/3, lớp6/4, lớp 6/5, lớp 6/6 | Lớp 6/7,lớp 6/8  | Lớp học 2 buổi : Lớp 6/9, Lớp6/10 | Lớp 7/1 bán trú  | Lớp Bán trú : lớp 7/2, lớp 7/3, lớp 7/4, lớp 7/5, lớp 7/6 | Lớp Bán trú : Lớp 7/7,Lớp 7/8,Lớp 7/9,Lớp 7/10,Lớp 7/11 | Lớp học 2 buổi : lớp 7/12, lớp 7/13, lớp 7/14 |
|----------|---|------------------|--|------------------|-----------------------------------|------------------|---|---|---|
|          |   |                  |  | Bán trú          |                                   |                  |   |   |   |
| <b>I</b> | <b>CÁC KHOẢN THU</b>  | <b>4,875,000</b> | <b>2,075,000</b>   | <b>1,475,000</b> | <b>606,000</b>                    | <b>4,875,000</b> | <b>2,075,000</b>  | <b>1,475,000</b>  | <b>581,000</b>                                |
| 1        | Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú   | 250,000          | 250,000  | 250,000          |                                   | 250,000          | 250,000   | 250,000   |   |
| 2        | Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000d/ngày x 17 ngày)  | 595,000          | 595,000  | 595,000          |                                   | 595,000          | 595,000   | 595,000   |   |
| 3        | Tiền nước uống bán trú  | 14,000           | 14,000   | 14,000           |                                   | 14,000           | 14,000  | 14,000  |   |
| 4        | Chương trình tiếng Anh tích hợp   | 3,600,000        |  |                  |                                   | 3,600,000        |   |   |   |
| 5        | Học phí lớp học chương trình học ngoại ngữ tiếng Anh thông qua môn Toán và khoa học   |                  | 800,000  |                  |                                   |                  | 800,000   |   |   |
| 6        | Tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài  |                  |  | 200,000          | 200,000                           |                  |   | 200,000   | 200,000                                       |
| 7        | Tổ chức dạy kỹ năng sống  | 80,000           | 80,000   | 80,000           | 80,000                            | 80,000           | 80,000  | 80,000  | 80,000  |
| 8        | Tổ chức dạy STEM  | 90,000           | 90,000   | 90,000           | 90,000                            | 90,000           | 90,000  | 90,000  | 90,000  |
| 9        | Tổ chức theo Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh Theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030” (IC3) | 180,000          | 180,000  | 180,000          | 180,000                           | 180,000          | 180,000   | 180,000   | 180,000                                       |
| 10       | Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số   | 31,000           | 31,000   | 31,000           | 31,000                            | 31,000           | 31,000  | 31,000  | 31,000  |
| 11       | Tiền dịch vụ sử dụng máy lạnh (nếu có)  | 35,000           | 35,000   | 35,000           | 25,000                            | 35,000           | 35,000  | 35,000  |   |
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>4,875,000</b> | <b>2,075,000</b>   | <b>1,475,000</b> | <b>606,000</b>                    | <b>4,875,000</b> | <b>2,075,000</b>  | <b>1,475,000</b>  | <b>581,000</b>                                |
|          | <b>Hoàn trả tạm thu</b>   | <b>1,200,000</b> | <b>1,200,000</b>   | <b>1,200,000</b> | <b>600,000</b>                    | <b>1,200,000</b> | <b>1,200,000</b>  | <b>1,200,000</b>  | <b>600,000</b>                                |

|  |                                   |           |         |         |       |           |         |         |          |
|--|-----------------------------------|-----------|---------|---------|-------|-----------|---------|---------|----------|
|  | Số tiền còn phải thu tháng 9/2025 | 3,675,000 | 875,000 | 275,000 | 6,000 | 3,675,000 | 875,000 | 275,000 | (19,000) |
|--|-----------------------------------|-----------|---------|---------|-------|-----------|---------|---------|----------|

Ngày 03 tháng 11 Năm 2025

Hiệu trưởng



Và Mai Hương



## THÔNG BÁO THU CÁC KHOẢN THÁNG 9/2025 NĂM HỌC 2025-2026

Căn cứ Văn bản số 1171/UBND ngày 24/10/2025 của UBND Phường An Hội Đông về thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc phường NH 2025-2026

| STT      | NỘI DUNG THU  | Lớp 8/1 Bán Trú  | Lớp Bán trú :<br>lớp 8/2, lớp 8/3,<br>lớp 8/4, lớp 8/5,<br>lớp 8/6, lớp 8/7 | Lớp 8/8          | Lớp học 2 buổi :<br>Lớp 8/9, Lớp<br>8/10, Lớp 8/11 | Lớp 9/1, lớp<br>9/2, lớp 9/3 bán trú | Lớp Bán trú : lớp<br>9/4, lớp 9/5, lớp 9/6,<br>lớp 9/7, lớp 9/8 | Lớp học 2 buổi : Lớp<br>9/9, Lớp 9/10 |
|----------|---|------------------|---|------------------|--|--------------------------------------|---|---------------------------------------|
|          |   |                  |   | Bán trú          |  |                                      |   |                                       |
| <b>I</b> | <b>CÁC KHOẢN THU</b>  | <b>1,895,000</b> | <b>1,529,000</b>  | <b>1,295,000</b> | <b>426,000</b>                                     | <b>1,895,000</b>                     | <b>1,349,000</b>  | <b>426,000</b>                        |
| 1        | Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú   | 250,000          | 250,000   | 250,000          |  | 250,000                              | 250,000   |                                       |
| 2        | Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000đ/ngày x 17 ngày)  | 595,000          | 595,000   | 595,000          |  | 595,000                              | 595,000   |                                       |
| 3        | Tiền nước uống bán trú  | 14,000           | 14,000  | 14,000           |  | 14,000                               | 14,000  |                                       |
| 5        | Tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ  |                  | 54,000  |                  |  |                                      | 54,000  |                                       |
| 6        | Học phí lớp học chương trình học ngoại ngữ tiếng Anh thông qua môn Toán và khoa học   | 800,000          |   |                  |  | 800,000                              |   |                                       |
| 7        | Tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài  |                  | 200,000   | 200,000          | 200,000  |                                      | 200,000   | 200,000                               |
| 8        | Tổ chức dạy kỹ năng sống  | 80,000           | 80,000  | 80,000           | 80,000   | 80,000                               | 80,000  | 80,000                                |
| 9        | Tổ chức dạy STEM  | 90,000           | 90,000  | 90,000           | 90,000   | 90,000                               | 90,000  | 90,000                                |
| 10       | Tổ chức theo Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh Theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030” (IC3) |                  | 180,000   |                  |  |                                      |   |                                       |
| 11       | Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số   | 31,000           | 31,000  | 31,000           | 31,000   | 31,000                               | 31,000  | 31,000                                |
| 12       | Tiền dịch vụ sử dụng máy lạnh (nếu có)  | 35,000           | 35,000  | 35,000           | 25,000   | 35,000                               | 35,000  | 25,000                                |
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>1,895,000</b> | <b>1,529,000</b>  | <b>1,295,000</b> | <b>426,000</b>                                     | <b>1,895,000</b>                     | <b>1,349,000</b>  | <b>426,000</b>                        |
|          | <b>Hoàn trả tiền tạm thu tháng 9/2025</b>   | <b>1,200,000</b> | <b>1,200,000</b>  | <b>1,200,000</b> | <b>600,000</b>                                     | <b>1,200,000</b>                     | <b>1,200,000</b>  | <b>600,000</b>                        |

|  |                                   |         |         |        |           |         |         |           |
|--|-----------------------------------|---------|---------|--------|-----------|---------|---------|-----------|
|  | Số tiền còn phải thu tháng 9/2025 | 695,000 | 329,000 | 95,000 | (174,000) | 695,000 | 149,000 | (174,000) |
|--|-----------------------------------|---------|---------|--------|-----------|---------|---------|-----------|

Ngày 03 tháng 11 năm 2025

Hiệu trưởng



Và Mai Hương









|    |   |                  |                  |                  |                |                  |                |
|----|---|------------------|------------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| 13 | Tiền dịch vụ sử dụng máy lạnh (nếu có)      | 35,000           | 35,000           | 25,000           | 35,000         | 35,000           |                |
| 14 | Tiền dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu | 24,000           | 24,000           | 24,000           | 24,000         | 24,000           |                |
| 15 | Học phẩm học sinh                           | 50,000           | 50,000           | 50,000           | 50,000         | 50,000           |                |
|    | <b>TỔNG CỘNG</b>                            | <b>2,354,000</b> | <b>1,988,000</b> | <b>1,754,000</b> | <b>500,000</b> | <b>2,354,000</b> | <b>500,000</b> |

Ngày 03 tháng 11 Năm 2025

Hiệu trưởng

  
 Vũ Mai Hương



## THÔNG BÁO THU CÁC KHOẢN THÁNG 11/2025 NĂM HỌC 2025-2026

Căn cứ Văn bản số 1171/UBND ngày 24/10/2025 của UBND Phường An Hội Đông về thu sử dụng học phí và các khoản thu khác của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc phường NH 2025-2026

| STT | NỘI DUNG THU  | Lớp 6/1 Bán Trú  | Lớp Bán trú :<br>lớp 6/2, lớp 6/3,<br>lớp 6/4, lớp 6/5,<br>lớp 6/6 | Lớp 6/7,lớp 6/8  | Lớp học 2 buổi :<br>Lớp 6/9, Lớp 6/10 | Lớp 7/1 bán trú  | Lớp Bán trú :<br>lớp 7/2, lớp 7/3,<br>lớp 7/4, lớp 7/5,<br>lớp 7/6 | Lớp Bán trú : Lớp<br>7/7,Lớp 7/8,Lớp 7/9,Lớp<br>7/10,Lớp 7/11 | Lớp học 2 buổi :<br>lớp 7/12, lớp 7/13,<br>lớp 7/14 |
|-----|---|------------------|--|------------------|---------------------------------------|------------------|--|---|---|
|     |   |                  | Bán trú  |                  |                                       |                  |  |   |   |
| I   | <b>CÁC KHOẢN THU</b>  | <b>4,980,000</b> | <b>2,180,000</b>   | <b>1,580,000</b> | <b>606,000</b>                        | <b>4,980,000</b> | <b>2,180,000</b>   | <b>1,580,000</b>  | <b>562,000</b>                                      |
|     | Tiền còn dư tháng 9 trừ qua tháng 11<br>(lớp 7/12 và 7/14)  |                  |  |                  |                                       |                  |  |   | (19,000)  |
| 1   | Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú   | 250,000          | 250,000  | 250,000          |                                       | 250,000          | 250,000  | 250,000   |   |
| 2   | Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000đ/ngày x 20 ngày)  | 700,000          | 700,000  | 700,000          |                                       | 700,000          | 700,000  | 700,000   |   |
| 3   | Tiền nước uống bán trú  | 14,000           | 14,000   | 14,000           |                                       | 14,000           | 14,000   | 14,000  |   |
| 4   | Chương trình tiếng Anh tích hợp   | 3,600,000        |  |                  |                                       | 3,600,000        |  |   |   |
| 5   | Học phí lớp học chương trình học ngoại ngữ tiếng Anh thông qua môn Toán và khoa học   |                  | 800,000  |                  |                                       |                  | 800,000  |   |   |
| 6   | Tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài  |                  |  | 200,000          | 200,000                               |                  |  | 200,000   | 200,000   |
| 7   | Tổ chức dạy kỹ năng sống  | 80,000           | 80,000   | 80,000           | 80,000                                | 80,000           | 80,000   | 80,000  | 80,000  |
| 8   | Tổ chức dạy STEM  | 90,000           | 90,000   | 90,000           | 90,000                                | 90,000           | 90,000   | 90,000  | 90,000  |
| 9   | Tổ chức theo Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh Theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030” (IC3) | 180,000          | 180,000  | 180,000          | 180,000                               | 180,000          | 180,000  | 180,000   | 180,000   |
| 10  | Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số   | 31,000           | 31,000   | 31,000           | 31,000                                | 31,000           | 31,000   | 31,000  | 31,000  |
| 11  | Tiền dịch vụ sử dụng máy lạnh (nếu có)  | 35,000           | 35,000   | 35,000           | 25,000                                | 35,000           | 35,000   | 35,000  |   |
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>4,980,000</b> | <b>2,180,000</b>   | <b>1,580,000</b> | <b>606,000</b>                        | <b>4,980,000</b> | <b>2,180,000</b>   | <b>1,580,000</b>  | <b>562,000</b>                                      |



Ngày 10 tháng 11 Năm 2025

Hiệu trưởng

Vũ Mai Hương



## THÔNG BÁO THU CÁC KHOẢN THÁNG 11/2025 NĂM HỌC 2025-2026

Căn cứ Văn bản số 1171/UBND ngày 24/10/2025 của UBND Phường An Hội Đông về thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc phường NH 2025-2026

| STT | NỘI DUNG THU  | Lớp 8/1 Bán Trú  | Lớp Bán trú :<br>lớp 8/2, lớp 8/3,<br>lớp 8/4, lớp 8/5,<br>lớp 8/6, lớp 8/7 | Lớp 8/8          | Lớp học 2 buổi :<br>Lớp 8/9, Lớp<br>8/10, Lớp 8/11 | Lớp 9/1, lớp<br>9/2, lớp 9/3 bán trú | Lớp Bán trú : lớp<br>9/4, lớp 9/5, lớp 9/6,<br>lớp 9/7, lớp 9/8 | Lớp học 2 buổi : Lớp<br>9/9, Lớp 9/10 |
|-----|---|------------------|---|------------------|--|--------------------------------------|---|---------------------------------------|
|     |   |                  |   | Bán trú          |  |                                      |   |                                       |
| 1   | <b>CÁC KHOẢN THU</b>  | <b>2,000,000</b> | <b>1,634,000</b>  | <b>1,400,000</b> | <b>252,000</b>                                     | <b>2,000,000</b>                     | <b>1,454,000</b>  | <b>252,000</b>                        |
|     | Tiền dư tháng 9 trừ qua tháng 11 khối 8 và khối 9( lớp 8/9,8/10,8/11 và lớp 9/9, 9/10)  |                  |   |                  | (174,000)  |                                      |   | (174,000)                             |
| 1   | Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú   | 250,000          | 250,000   | 250,000          |  | 250,000                              | 250,000   |                                       |
| 2   | Tiền suất ăn trưa bán trú (35.000đ/ngày x 20 ngày)  | 700,000          | 700,000   | 700,000          |  | 700,000                              | 700,000   |                                       |
| 3   | Tiền nước uống bán trú  | 14,000           | 14,000  | 14,000           |  | 14,000                               | 14,000  |                                       |
| 5   | Tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ  |                  | 54,000  |                  |  |                                      | 54,000  |                                       |
| 6   | Học phí lớp học chương trình học ngoại ngữ tiếng Anh thông qua môn Toán và khoa học   | 800,000          |   |                  |  | 800,000                              |   |                                       |
| 7   | Tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài  |                  | 200,000   | 200,000          | 200,000  |                                      | 200,000   | 200,000                               |
| 8   | Tổ chức dạy kỹ năng sống  | 80,000           | 80,000  | 80,000           | 80,000   | 80,000                               | 80,000  | 80,000                                |
| 9   | Tổ chức dạy STEM  | 90,000           | 90,000  | 90,000           | 90,000   | 90,000                               | 90,000  | 90,000                                |
| 10  | Tổ chức theo Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh Theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030” (IC3) |                  | 180,000   |                  |  |                                      |   |                                       |
| 11  | Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số   | 31,000           | 31,000  | 31,000           | 31,000   | 31,000                               | 31,000  | 31,000                                |
| 12  | Tiền dịch vụ sử dụng máy lạnh (nếu có)  | 35,000           | 35,000  | 35,000           | 25,000   | 35,000                               | 35,000  | 25,000                                |
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>2,000,000</b> | <b>1,634,000</b>  | <b>1,400,000</b> | <b>252,000</b>                                     | <b>2,000,000</b>                     | <b>1,454,000</b>  | <b>252,000</b>                        |

Ngày 10 tháng 11 Năm 2025



Hiệu trưởng

Vũ Mai Hương

